

Số: 3540/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 4024/TTr-SVHTTDL ngày 21 tháng 11 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 02 thủ tục hành chính cấp huyện được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã được ban hành tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, trong lĩnh vực Văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của cơ quan, đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cập nhật nội dung thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, cấu hình nội dung các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được công bố theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Quyết định số 3540/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA CẤP TỈNH ¹								
1	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ qua bưu chính đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). - Nộp hồ sơ trực tuyến theo địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn .	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy. - Tại khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-	

¹ Ghi chú: Nội dung cụ thể của từng TTHC thực hiện theo Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Số	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
							CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.	
2	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ qua bưu chính đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). - Nộp hồ sơ trực tuyến theo địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn .	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
							<i>karaoke, dịch vụ vũ trường.</i>	
3	1.0000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	07 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ qua bưu chính đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Tri, Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). - Nộp hồ sơ trực tuyến theo địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Tài các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. - Tại khu vực khác: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. - Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.	

Số	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
04	1.000922	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ trường	07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ qua bưu chính đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). - Nộp hồ sơ trực tuyến theo địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn .	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.	

Sut	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA CẤP HUYỆN ²								
5	1.000903	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke huyên	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp giải quyết thủ tục hành chính.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy. - Tại khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường	

² Ghi chú: Nội dung cụ thể của từng TTHC thực hiện theo Quyết định số 3520/QĐ-BVHTTDL ngày 19/11/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý của TTHC	Ghi chú
6	1.000831	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện	07 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp giải quyết thủ tục hành chính.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp.	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. - Tại khu vực khác: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. - Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường	



QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3540/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Phần I
DANH MỤC QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ

DANH MỤC QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã thủ tục	Tên quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Trang
I	CẤP TỈNH					
LĨNH VỰC VĂN HÓA						
1	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/) (nếu có).	Một phần	05
2	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/) (nếu có).	Một phần	05-06

TT	Mã thủ tục	Tên quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cầu hình trên phần mềm Egov	Trang
3	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	07 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/) (nếu có).	Một phần	06
4	1.000922	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ trường	07 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/) (nếu có).	Một phần	06-07
II CẤP HUYỆN						
5	1.000903	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp giải quyết thủ tục hành chính.	Một phần	07-08
6	1.000831	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện	07 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp giải quyết thủ tục hành chính.	Một phần	08

Phần II

NỘI DUNG QUY TRÌNH

I. CẤP TỈNH

LĨNH VỰC VĂN HÓA

1. Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh

a. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở VH TTDL	01 ngày làm việc
Giải quyết hồ sơ <i>- Trường hợp hoàn thiện hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc.</i> <i>- Sau hoàn thiện hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định.</i>	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	04 ngày làm việc
	Lãnh đạo Sở ký duyệt	01 ngày làm việc
	Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Ký duyệt hồ sơ, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày làm việc
Nhận và trả kết quả (Kết thúc hồ sơ)	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở VH TTDL	01 ngày làm việc

2. Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

a. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	4.5 ngày làm việc

- Trường hợp hoàn thiện hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc. - Sau hoàn thiện hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định.	Lãnh đạo Sở ký duyệt	01 ngày làm việc
	Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Ký duyệt hồ sơ, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày làm việc
Nhận và trả kết quả (Kết thúc hồ sơ)	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở VH TTDL	01 ngày làm việc

3. Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh

a. Thời hạn giải quyết: 07 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (07 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở VH TTDL	0.5 ngày
Giải quyết hồ sơ - Trường hợp hoàn thiện hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc. - Sau hoàn thiện hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định.	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	2.5 ngày
	Lãnh đạo Sở ký duyệt	01 ngày
	Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
Ký duyệt hồ sơ, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
Nhận và trả kết quả (Kết thúc hồ sơ)	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở VH TTDL	01 ngày

4. Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh

a. Thời hạn giải quyết: 07 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (07 ngày)
--------------------	------------------	--------------------------------

Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở VHTTDL	0.5 ngày
Giải quyết hồ sơ <i>- Trường hợp hoàn thiện hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc.</i> <i>- Sau hoàn thiện hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định.</i>	Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	2.5 ngày
	Lãnh đạo Sở ký duyệt	01 ngày
	Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
Ký duyệt hồ sơ, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
Nhận và trả kết quả (Kết thúc hồ sơ)	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở VHTTDL	01 ngày

II. CẤP HUYỆN

LĨNH VỰC VĂN HÓA

5. Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện

a. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của UBND cấp huyện được phân cấp	01 ngày làm việc
Giải quyết hồ sơ <i>- Trường hợp hoàn thiện hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc.</i> <i>- Sau hoàn thiện hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định.</i>	Bộ phận chuyên môn xử lý	06 ngày làm việc
Duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp huyện được phân cấp	02 ngày làm việc

Nhận và trả kết quả (Kết thúc hồ sơ)	Bộ phận trả chuyển hồ sơ UBND cấp huyện được phân cấp	01 ngày làm việc
---	---	------------------

6. Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh

a. Thời hạn giải quyết: 07 ngày.

b. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (07 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của UBND cấp huyện được phân cấp	01 ngày
Giải quyết hồ sơ - Trường hợp hoàn thiện hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc. - Sau hoàn thiện hồ sơ, thành lập Đoàn thẩm định.	Bộ phận chuyên môn xử lý	03 ngày
Duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp huyện được phân cấp	02 ngày
Nhận và trả kết quả (Kết thúc hồ sơ)	Bộ phận trả chuyển hồ sơ UBND cấp huyện được phân cấp	01 ngày